

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2015
CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam thông qua ngày 29/11/2005;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty Cổ phần Vật tư tổng hợp Phú Yên (nay là Công ty cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên) được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 21/12/2009 và các văn bản sửa đổi bổ sung;

Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên ngày 18/4/2015,

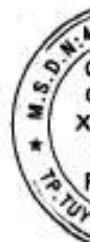
QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên thống nhất 100% thông qua các nội dung sau:

1. Báo cáo kết quả kinh doanh và hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ 2010-2015 và kế hoạch nhiệm kỳ 2015-2020.

a. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu giai đoạn 2010-2015

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2010	2011	2012	2013	2014	BQ năm
1	Sản lượng tiêu thụ xăng dầu	1000 m ³	71	70	116	129	124	102
2	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	2.548	2.381	2.213	2.948	2.512	2.520
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	74,5	30,0	20,0	6,4	13,9	29,0
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	55,4	21,8	14,6	3,8	11,1	21,3
5	Nộp NSNN	Tỷ đồng	10	26	97	105	116	71
6	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	164,9	100,5	101,0	92,9	102,4	112,3
6.1	Vốn vón điều lệ	Tỷ đồng	117	82,4	82,4	82,4	82,4	89,3
6.2	Quy ĐIPT, DPTC	Tỷ đồng	5,9	5,6	7,1	7,3	11,6	7,5
6.3	LNST chưa phân phối	Tỷ đồng	42,1	12,5	11,5	3,2	8,4	15,5
7	Tổng tài sản	Tỷ đồng	637,0	463,4	464,6	203,6	126,6	379,1
8	Tỷ suất LNST/ VDL (ROE)	%	47,4	26,5	17,8	4,6	13	23,9
9	Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS)	đồng	4.736	2.645	1.778	458	1.347	2.390
10	Tỷ lệ trả cổ tức/VDL	%	35,0	15,0	13,5	Không chia	10%	14,7
11	Giá trị đầu tư	Tỷ đồng		3,4	16,2	10,5	30,2	10,1



b. Kế hoạch nhiệm kỳ 2015-2020

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2015	2016	2017	2018	2019	BQ năm
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	100,4	103,9	106,7	109,7	112,8	106,7
1.1	Vốn vốn điều lệ	Tỷ đồng	82,4	82,4	82,4	82,4	82,4	82,4
1.2	Quỹ ĐTP, DPTC	Tỷ đồng	13,4	15,8	18,3	20,9	23,7	18,4
1.3	LNST chưa PP	Tỷ đồng	4,7	5,8	6,0	6,4	6,7	5,9
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	7,8	9,6	10,1	10,6	11,1	9,8
4	Tỷ suất LNST/ VDL (ROE)	%	9	12	12	13	13	12
5	Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS)	đồng	947	1.165	1.223	1.284	1.349	1.194

2. Báo cáo kiểm soát năm 2014 và tổng kết nhiệm kỳ 2010-2015 của Ban kiểm soát.

3. Tờ trình phê chuẩn bầu bổ sung thành viên HĐQT: Bầu ông Lê Duy Tường, Trưởng Phòng Kế hoạch – Đầu tư Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên giữ chức vụ thành viên HĐQT thay thế ông Hoàng Đình Tùng kể từ ngày 01/01/2015.

4. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2014: Một số chỉ tiêu cơ bản trong Báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán:

a. Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: đồng

Tài sản	31/12/2014	31/12/2013
I TÀI SẢN NGẮN HẠN	78.831.405.004	165.438.126.616
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	442.186.259	592.972.731
2. Các khoản phải thu	64.749.534.396	87.151.530.021
3. Hàng tồn kho	12.874.421.198	72.923.861.197
4. Tài sản ngắn hạn khác	765.263.151	4.769.762.667
II TÀI SẢN DÀI HẠN	47.783.041.880	38.167.303.289
1. Tài sản cố định	29.385.114.387	24.081.053.702
2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	9.360.000.000	9.360.000.000
3. Tài sản dài hạn khác	9.037.927.493	4.726.249.587
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	126.614.446.884	203.605.429.905
Nguồn vốn	31/12/2014	31/12/2013
I NỢ PHẢI TRẢ	24.242.888.998	110.706.669.636
1. Nợ ngắn hạn	24.242.888.998	110.706.669.636
2. Nợ dài hạn	0	0
II VỐN CHỦ SỞ HỮU	102.371.557.886	92.898.760.269
1. Vốn cổ phần	82.400.000.000	82.400.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	7.272.415.433	3.553.768.908
3. Quỹ dự phòng tài chính	4.297.498.213	3.742.528.666
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	8.401.644.240	3.202.462.695
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	126.614.446.884	203.605.429.905

b. Kết quả hoạt động kinh doanh

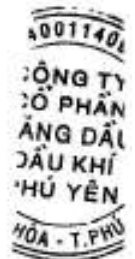
Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	2014	2013
1. Doanh thu	2.511.571.990.992	2.948.099.653.418
2. Lợi nhuận kế toán trước thuế	13.904.178.813	6.416.892.688
3. Lợi nhuận sau thu thuế TNDN	11.099.390.938	3.775.195.158

5. Tờ trình thông qua phân phối lợi nhuận 2014 và kế hoạch phân phối lợi nhuận 2015

a. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2014

STT	Chỉ tiêu	Tổng công ty phê duyệt	
		Tỷ lệ (%)	Giá trị (đồng)
1	Tổng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		11.099.390.938
2	Truy thu thuế TNDN năm 2013		10.984.681
3	Thù lao TV HĐQT, BKS không chuyên trách		225.200.000
4	Tổng LNST trước khi trích quỹ (4=1-2-3)	100	10.863.206.257
5	Trích các quỹ	40	4.345.282.503
-	<i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	<i>10,22</i>	<i>1.109.939.094</i>
-	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>27,55</i>	<i>2.992.343.409</i>
-	<i>Thưởng Ban điều hành</i>	<i>2,24</i>	<i>243.000.000</i>
6	Tổng LNST sau khi trích các quỹ (6=4-5)	60	6.517.923.754
7	Lợi nhuận năm trước còn lại chưa chia		2.221.163.906
8	Lợi nhuận dùng để chia cổ tức (8=6+7)		8.739.087.660
8	Chia cổ tức	10%VĐL	8.240.000.000
10	LN chưa phân phối chuyển năm sau (10=8-9)		499.087.660



b. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2015

STT	Nội dung	Diễn giải	Giá trị (đồng)
1	Lợi nhuận sau thuế	LNST	7.800.000.000
2	Trích thù lao HĐQT, BKS không chuyên trách	Tổng thù lao HĐQT, BKS dự kiến 2014	225.200.000
3	LNST trước khi trích lập quỹ	Là LNST trừ thù lao HĐQT, BKS và thưởng ban điều hành nếu vượt KH LNST, trừ lỗ lũy kế (nếu có)	7.574.800.000
4	Trích lập các quỹ. Dự kiến (*):	Tối đa 40% Lợi nhuận trước khi trích lập các quỹ	3.029.920.000

STT	Nội dung	Diễn giải	Giá trị (đồng)
	- Quỹ KIPL: 10% - Quỹ ĐTPT: tối đa 30% - Quỹ thưởng BĐH (**)		
5	Tổng LNST sau khi trích các quỹ	6 = 3 - 4	4.544.880.000
6	Chi cổ tức	Thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2016	

c. **Thời gian chi cổ tức năm 2014:** Chốt danh sách vào ngày 20/4/2015, chi trả cổ tức năm 2014 bắt đầu từ ngày 25/4/2015. Giao Giám đốc Công ty cân đối nguồn và thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo đúng thời gian đã định.

6. Tờ trình thông qua quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2014 và phương án thù lao năm 2015.

- Tổng mức thù lao HĐQT, BKS không chuyên trách năm 2014: 225.200.000 đồng
- Phương án thù lao HĐQT, BKS không chuyên trách và Thư ký HĐQT năm 2015:
 - + Chủ tịch HĐQT: 6.000.000 đ/người/tháng;
 - + Thành viên HĐQT: 4.000.000 đ/người/tháng;
 - + Trưởng BKS: 3.000.000 đ/người/tháng;
 - + Thành viên BKS: 2.000.000 đ/người/tháng;
 - + Thư ký HĐQT: 1.000.000 đ/người/tháng.
- Đối với Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách từ ngày 01/7/2015 sẽ hưởng lương theo Quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty và ủy quyền cho HĐQT phê duyệt.

7. Tờ trình thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2015: Thống nhất giao cho Giám đốc Công ty thực hiện việc lựa chọn một trong các đơn vị kiểm toán theo danh sách sau theo đúng quy định:

- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
- Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C;
- Công ty TNHH kiểm toán An Phú.

8. Tờ trình thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT, BKS hết nhiệm kỳ 2010-2015.

❖ **Hội đồng quản trị**

1. Ông Nguyễn Anh Toàn Chủ tịch
2. Ông Nguyễn Thái Định Thành viên
3. Ông Lê Duy Tường Thành viên
4. Bà Mai Bích Thủy Thành viên
5. Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa Thành viên

❖ **Ban kiểm soát**

1. Ông Huỳnh Minh Triết Trưởng ban
2. Ông Nguyễn Anh Tuấn Thành viên
3. Bà Nguyễn Thị Thúy Nga Thành viên

9. Thông qua kết quả bầu cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2015-2020

❖ **Hội đồng quản trị**

- Ông Nguyễn Anh Toàn

STT	Nội dung	Diễn giải	Giá trị (đồng)
	- Quỹ KTPL: 10% - Quỹ ĐTPT: tối đa 30% - Quỹ thưởng Ban điều hành: Trích thưởng Ban điều hành nếu vượt kế hoạch LNST, trích tối đa 5% phần vượt kế hoạch LNST (nhưng không vượt quá 250 triệu đồng)		
5	Tổng LNST sau khi trích các quỹ	6 = 3 - 4	4.544.880.000
6	Chi cổ tức	Thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2016	

c. **Thời gian chi cổ tức năm 2014:** Chốt danh sách vào ngày 20/4/2015, chi trả cổ tức năm 2014 bắt đầu từ ngày 25/4/2015. Giao Giám đốc Công ty cân đối nguồn và thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo đúng thời gian đã định.

6. Tờ trình thông qua quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2014 và phương án thù lao năm 2015.

- Tổng mức thù lao HĐQT, BKS không chuyên trách năm 2014: 225.200.000 đồng
- Phương án thù lao HĐQT, BKS không chuyên trách và Thư ký HĐQT năm 2015:
 - + Chủ tịch HĐQT: 6.000.000 đ/người/tháng;
 - + Thành viên HĐQT: 4.000.000 đ/người/tháng;
 - + Trưởng BKS: 3.000.000 đ/người/tháng;
 - + Thành viên BKS: 2.000.000 đ/người/tháng;
 - + Thư ký HĐQT: 1.000.000 đ/người/tháng.

- Đối với Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách từ ngày 01/7/2015 sẽ hưởng lương theo Quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty và ủy quyền cho HĐQT phê duyệt.

7. Tờ trình thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2015: Thống nhất giao cho Giám đốc Công ty thực hiện việc lựa chọn một trong các đơn vị kiểm toán theo danh sách sau theo đúng quy định:

- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
- Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C;
- Công ty TNHH kiểm toán An Phú.

8. Tờ trình thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT, BKS hết nhiệm kỳ 2010-2015.

❖ **Hội đồng quản trị**

1. Ông Nguyễn Anh Toàn Chủ tịch
2. Ông Nguyễn Thái Định Thành viên
3. Ông Lê Duy Tường Thành viên
4. Bà Mai Bích Thủy Thành viên
5. Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa Thành viên

❖ **Ban kiểm soát**

1. Ông Huỳnh Minh Triết Trưởng ban



2. Ông Nguyễn Anh Tuấn Thành viên

3. Bà Nguyễn Thị Thúy Nga Thành viên

9. Thông qua kết quả bầu cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2015-2020

❖ **Hội đồng quản trị**

- Ông Nguyễn Anh Tuấn
- Ông Nguyễn Thái Định
- Bà Mai Bích Thủy
- Ông Trần Văn Hay
- Ông Lê Duy Tường

❖ **Ban kiểm soát**

- Ông Huỳnh Minh Triết
- Ông Nguyễn Anh Tuấn

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên giao cho HĐQT Công ty tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội.

HƯỜNG NIÊN NĂM 2015
CHỦ TỊCH HĐQT



Nguyễn Anh Tuấn